

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ- ST

Ngày 27/05/2024

NHÂN DANH

V/v xin ly hôn **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Động

2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 05 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Út E**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ T A, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ T A, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C S X H V N

Địa chỉ: số 169, Phố L Đ, phường H L, quận H M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C S X H V N.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Khắc P: chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C S X H V N huyện T H, tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định uỷ quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/09/2019).

Địa chỉ: khu phố K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Võ Thị Út E trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 11 năm 2011. Trước khi chung sống, tôi và anh H có quen biết và có tìm hiểu nhau mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng có nhiều điểm bất đồng với nhau trong quan hệ cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn. Tôi và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm:

1/ Cháu **Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh năm 24/6/2011

2/ Cháu **Nguyễn Thị N Y**, sinh năm 01/7/2014

3/ Cháu **Nguyễn Phúc D**, sinh năm 24/10/2015

Các cháu hiện nay đang chung sống với chồng tôi.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: nợ Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa chị E yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: giao 03 con cho anh H nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi các con.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: tôi không yêu cầu chia đôi nợ chung, tôi sẽ đứng ra trả nợ dần hết nợ gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng C S X H V N.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:** qua lời trình bày của vợ tôi về ngày, tháng, năm chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, có 03 con chung, không có tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là đúng. Về nợ chung, vợ tôi cho

rằng có nợ Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là không đúng, bởi vì tôi không có vay tiền của Ngân hàng C S X H V N, do đó tôi không đồng ý cùng với vợ tôi trả nợ số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng C S X H V N. Vợ tôi vay tiền của Ngân hàng C S X H V N thì vợ tôi phải có nghĩa vụ trả hết nợ gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng C S X H V N.

Nay tại phiên toà anh H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với với cô Võ Thị Út E.

Về con chung: Tôi đồng ý nuôi dưỡng 03 cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 24/6/2011, cháu Nguyễn Thị N Y, sinh năm 01/7/2014, cháu Nguyễn Phúc D, sinh năm 24/10/2015. Không yêu cầu cô E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về phần nợ chung: Tôi không đồng ý cùng với vợ tôi trả nợ số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng C S X H V N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C S X H V N – Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Khắc P trình bày: Nguyên vào ngày 26/02/2020, chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H với mã số khách hàng 7087384140 có ký kết hợp đồng vay vốn Ngân Hàng C S X H V N với số tiền tổng cộng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) mức lãi suất trong hạn là 6,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/02/2025, định kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền là 6.000.000đ/lần, hình thức vay vốn chương trình hộ cận nghèo, mục đích vay là để chăn nuôi gà sinh sản, phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Tiền lãi trong hạn tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 27/05/2024 là 70.521đ (bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến 27/05/2024 mà chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H nợ lại Ngân Hàng C S X H V N là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Do hiện nay chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H đang tranh chấp trong vụ kiện “Ly hôn”. Và số tiền nợ gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) này là tiền mà chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H đã vay của Ngân Hàng C S X H V N để chăn nuôi gà sinh sản, nhằm mục đích phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống gia đình.

Nay tại phiên tòa, Ngân hàng C S X H V N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng không yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả nợ số tiền gốc và lãi là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) cho Ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang giải quyết

buộc chị Võ Thị Út E trả cho Ngân Hàng C S X H V N số tiền gốc và lãi là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng), trong đó tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 27/05/2024 là 70.521đ (bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Còn việc chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H tranh chấp trong vụ kiện “Ly hôn” thì Ngân Hàng C S X H V N không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

[3] **Về quan hệ con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, cháu Nguyễn Thị N Y và cháu Nguyễn Phúc D, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 24/6/2011, cháu Nguyễn Thị N Y, sinh năm 01/7/2014 và cháu Nguyễn Phúc D, sinh năm 24/10/2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Út E không phải cấp dưỡng nuôi các con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] **Về quan hệ tài sản chung:** Do chị E và anh H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng không yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả nợ số tiền gốc và lãi là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) cho Ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang giải quyết buộc chị Võ Thị Út E trả cho Ngân Hàng C S X H V N số tiền gốc và lãi là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng), trong đó tiền gốc là

30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 27/05/2024 là 70.521đ (bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P là có cơ sở chấp nhận phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P đã rút.

[6] **Về nợ chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn chị Võ Thị Út E và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P tự nguyện thỏa thuận về việc chị Võ Thị Út E tự nguyện trả hết nợ gốc, tiền lãi trong hạn là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng C S X H V N. Thời gian trả nợ cụ thể vào ngày 14/02/2025, chị Võ Thị Út E trả hết nợ gốc, tiền lãi trong hạn là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng C S X H V N là hết nợ.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị Võ Thị Út E phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003829 ngày 14/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Thị Út E đã nộp đủ.

[8] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Võ Thị Út E phải nộp: $30.070.521đ \times 5\% = 1.503.526đ$ tính tròn là 1.504.000đ (một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ Luật dân sự

năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Út E và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Võ Thị Út E và anh Nguyễn Văn H và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, cháu Nguyễn Thị N Y và cháu Nguyễn Phúc D, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 24/6/2011, cháu Nguyễn Thị N Y, sinh năm 01/7/2014 và cháu Nguyễn Phúc D, sinh năm 24/10/2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Út E không phải cấp dưỡng nuôi các con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Quyết định đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P đã rút.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn chị Võ Thị Út E và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc P tự nguyện thỏa thuận về việc chị Võ Thị Út E tự nguyện trả hết nợ gốc, tiền lãi trong hạn là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng C S X H V N. Thời gian trả nợ cụ thể vào ngày 14/02/2025, chị Võ Thị Út E trả hết nợ gốc, tiền lãi trong hạn là 30.070.521đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng C S X H V N là hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Võ Thị Út E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong khế ước số: 6600000717194775 ngày 26/02/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C S X H V N thì lãi suất mà chị Võ Thị Út E phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C S X H V N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C S X H V N.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Út E nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003829 ngày 14/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Thị Út E đã nộp đủ.

6. Về án phí DSST: Buộc chị Võ Thị Út E nộp 1.504.000đ (một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Võ Thị Út E, anh Nguyễn Văn H và Ngân hàng C S X H V N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật